

| | |
|---|-------------------|
| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA | |
| ĐẾN | Số: 790 |
| | Ngày: 12/5/25 |
| Chuyên:..... | Số: 03/2025 - DRF |
| Số và ký hiệu HS:..... | |

CÔNG TY TNHH DR FOODS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 12 tháng 5 năm 2025

V/v: Xin rút hồ sơ công bố sản phẩm

Kính gửi: **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HOÀ**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DR FOODS**

Địa chỉ: Thôn Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: **0775566354** Email: **Drfoodsnhatrang@gmail.com**

Mã số doanh nghiệp: 4201969391

Giấy chứng nhận Hệ Thống Quản lý An Toàn Thực Phẩm HACCP CODEX: HFM2162

Ngày cấp: 06.09.2024

Nơi cấp: Công ty TNHH KMR Việt Nam

CÔNG TY TNHH DR FOODS làm công văn này kính trình lên : **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HOÀ** với lý do : Rút Bộ hồ sơ công bố sản phẩm: số 16/DRFOODS/2024 – Tên sản phẩm: Sữa chua sậy thăng hoa Mix vị. Giấy tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm số : 286/2024/TCB do Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản cấp ngày 05/11/2024; Với lý do: Doanh nghiệp không còn bán sản phẩm trên.

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 5 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên & đóng dấu)

Lê Hồ Ngọc Nhung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/DRFOODS/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DR FOODS**

Địa chỉ: Thôn Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0775566354 Email: Drfoodsnhatrang@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201969391

Số giấy chứng nhận HACCP CODEX: HFM2162

Ngày cấp: 06.09.2024

Nơi cấp: Công ty TNHH KMR Việt Nam

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SỮA CHUA SÁY THĂNG HOA MIX VỊ

2. Thành phần: Sữa chua không đường 90%, trái cây theo vị (lá dứa, mít, xoài, thanh long, dâu tây)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- NSX: Được in trên bao bì sản phẩm.

- HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong túi nilon màng PET hoặc đóng trong hũ nhựa PET có nắp PET, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Quy cách đóng gói:

+ Dạng gói: 50g; 75g; 100 g/túi; 200 g/túi; 250 g/túi; 300 g/túi; 500g /túi; 1 kg/túi.

+ Dạng hũ nhựa: 100 g/hũ; 200 g/hũ; 500 g/hũ.

Quy cách đóng gói có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và in trên bao bì sản phẩm.

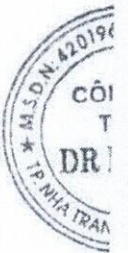
III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;

- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;



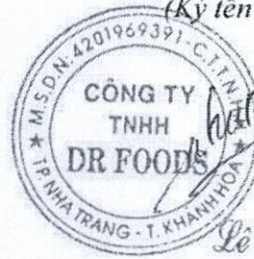
- Chi tiêu sinh vật: theo tiêu chuẩn cơ sở
- Thông tư 24/2013/TT-BYT - Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên & đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Hồ Ngọc Nhung

9391-1
CÔNG TY
NH
FOOD
S-T.KP

NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: SỮA CHUA SÁY THĂNG HOA MIX VỊ

Thành phần/Ingredients: Sữa chua không đường 90%, trái cây theo vị (lá dứa, mít, xoài, thanh long, dâu tây)

Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- **NSX/Date of production:** Được in trên bao bì sản phẩm.

- **HSD/Expired date:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng/Usage Instruction: Ăn ngay sau khi mở gói

Eat immediately after opening the package

Hướng dẫn bảo quản/Storage Instruction: Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp

Store in cool, dry place, Avoid direct sunlight

Thông tin cảnh báo/Warning Information: Không sử dụng sản phẩm khi có hiện tượng nấm mốc, mùi vị lạ

Do not use the product if there is sign of mould or weird smell

Trọng lượng/Net Weight: In trên bao bì sản phẩm.

Xuất xứ/Made in: Việt Nam

Cơ sở sản xuất và đóng gói sản phẩm: CÔNG TY TNHH DR FOODS

Địa chỉ: Thôn Đặc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0775566354

Email: Drfoodsnhatrang@gmail.com

Website: www.drfoodsvietnam.com



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV20245450-RV1-Trang/Page 1/3

CÔNG TY TNHH DR FOODS
DR FOODS LIMITED COMPANY

Thôn Đặc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam



Tên mẫu/ Sample described as : Sữa chua sấy thăng hoa mix vị
Tên tiếng anh : Freeze Dried Yoghurt Mixed Fruits

Mã đơn hàng/ Your purchase order reference : TP10082024080110

Mã số mẫu/ Sample code : 2024005450-1

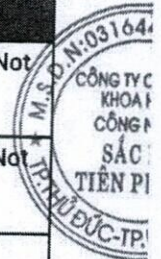
Tình trạng mẫu/ Conditioning : Mẫu đựng trong túi zip/ The sample is kept in ziplock bag

Ngày nhận mẫu/ Sample reception date : 13/08/2024

Thời gian thử nghiệm/ Analysis time : 13/08/2024 - 21/08/2024

Ngày trả kết quả/ Client due date : 21/08/2024

| STT NO. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS | ĐƠN VỊ UNIT | PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD | KẾT QUẢ RESULTS |
|---------|---|-------------|-----------------------------------|---|
| 1 | Enterobacteriaceae / Enterobacteriaceae (a)(b) | cfu/g | ISO 21528-2:2017 | Không phát hiện/ Not detected (LOD=10) |
| 2 | Listeria monocytogenes / Listeria Monocytogenes (a) | cfu/g | ISO 11290-2:2017 | Không phát hiện/ Not detected (LOD=10) |
| 3 | Béo / Total Fat (a)(b) | g/100g | EPR-TP2-0041 | 11.8 |
| 4 | Carbohydrat/ Carbohydrates (a) | g/100g | AOAC 986.25 | 68.9 |
| 5 | Độ ẩm/ Moisture (a)(b) | g/100g | EPR-TP2-0059 | 3.03 |
| 6 | Năng lượng/ Energy values | kcal/100g | FAO 2013 77 | 436 |
| 7 | Tro tổng/ Total Ash (a)(b) | g/100g | EPR-TP2-0096 | 2.77 |
| 8 | Natri (Na)/ Sodium (Na) | mg/100g | AOAC 969.23 (2011) | 166 |
| 9 | Đạm sữa/ Milk protein (a) | g/100g | EPR-TP2-0077 | 13.4 |
| 10 | Đường tổng số/ Total sugars (a)(b) | g/100g | TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981) | 67.6 |
| 11 | Chì (Pb)/ Lead (Pb) (a) | mg/kg | AOAC 999.11 | Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.004) |
| 12 | Acid béo dạng trans/ Trans (a) | g/100g | AOAC 996.06 | Không phát hiện/ Not |



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV20245450-RV1-Trang/Page 2/3

| STT NO. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS | ĐƠN VỊ UNIT | PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD | KẾT QUẢ RESULTS |
|---------|--|-------------|--|--|
| | fatty acids in the product | | | detected (LOD=0.05) |
| 13 | Béo bão hòa/ Saturated fatty acids in the product ^(a) | g/100g | EPR - TP2- 0207 | 8.31 |
| 14 | Aflatoxin M1/ Aflatoxin M1 | µg/kg | ISO 14501:2007 mod | Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.01) |
| 15 | Benzympenicilin / Benzympenicilin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=2) |
| 16 | Clotetracyclin/ Clotetracyclin | µg/kg | EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=10) |
| 17 | Dihydrostreptomycin/ Dihydrostreptomycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=70) |
| 18 | Gentamicin/ Gentamicin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=20) |
| 19 | Oxytetracyclin/ Oxytetracyclin | µg/kg | EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=10) |
| 20 | Procain Benzympenicilin/ Procain Benzympenicilin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=3) |
| 21 | Spiramycin/ Spiramycin | µg/kg | EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=10) |
| 22 | Streptomycin/ Streptomycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=70) |
| 23 | Tetracyclin/ Tetracyclin | µg/kg | EPR-TP2-0268 (LC/MS/MS) | Không phát hiện/ Not detected (LOD=10) |
| 24 | Aldrin và dieldrin/ Aldrin and dieldrin | mg/kg | EN 15662:2008 mod | Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.005) |
| 25 | Cyfluthrin/ Cyfluthrin | mg/kg | EN 15662:2008 mod | Không phát hiện/ Not detected (LOD= 0.005) |
| 26 | DDT / DDT | mg/kg | EN 15662:2008 mod | Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.005) |

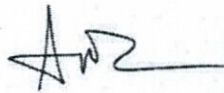
154)
 Ồ PHỤ
 ỒC
 ỒGHỆ
 KỸ
 ION
 ỒC

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV20245450-RV1-Trang/Page 3/3

| STT NO. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS | ĐƠN VỊ UNIT | PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD | KẾT QUẢ RESULTS |
|---|-----------------------------------|----------------|--------------------------------|---|
| 27 | Endosulfan/ Endosulfan | mg/kg | EN 15562:2018 | Không phát hiện/ Not detected (LOD= 0.005) |
| Ghi chú/ Note: LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp/ limit of detection | | | | |

**GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR**



MSc. NGUYỄN HUỖNH TUẤN ANH

**TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR**



MBA. VÕ TRƯƠNG DUY

Ghi chú và giải thích/ Explanatory note

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
 (a) Các phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 / The tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017
 (b) Các phép thử được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế/ The tests performed by this laboratory under accreditation Ministry of Health Food Safety Lab Certificate

Mã số mẫu/Sample code: 2024005450

Mã đơn hàng/Your purchase order reference: TP10082024080110

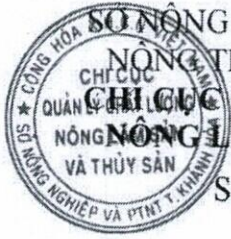
Mã kết quả/Report code: CV20245450-RV1



Nutrition Facts

| | | |
|---|--|------------------------|
| servings per container | | |
| Serving size | | 100g |
| Amount Per Serving | | |
| Calories | | 440 |
| | | % Daily Value * |
| Total Fat 12g | | 15% |
| Saturated Fat 8g | | 42% |
| <i>Trans Fat</i> 0g | | |
| Cholesterol - | | - |
| Sodium 170mg | | 7% |
| Total Carbohydrate 69g | | 25% |
| Dietary Fiber - | | - |
| Total Sugars 68g | | |
| Includes - Added Sugars | | - |
| Protein 13g | | |
| Vitamin D - | | - |
| Calcium - | | - |
| Iron - | | - |
| Potassium - | | - |
| * The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice. | | |

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./
 Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 286/2024/TCB

GIẤY TIẾP NHẬN BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Bộ phận tiếp nhận, nhận hồ sơ của: CÔNG TY TNHH DR FOODS

Địa chỉ: Thôn Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0775566354

Nộp hồ sơ Tự công bố sản phẩm:

1. DỪA SÁY GIÒN (tên tiếng anh: CRISPY COCONUT CHIPS).
2. XOÀI SÁY DẸO.
3. HẠT ĐIỀU RANG MUỐI.
4. HẠT MACCA.
5. SÀU RIÊNG SÁY THĂNG HOA.
6. MÍT SÁY GIÒN.
7. HẠT ĐIỀU RANG MUỐI TÁCH VỎ.
8. SỮA CHUA SÁY THĂNG HOA MIX VỊ.

Thành phần hồ sơ:

| STT | TÊN HỒ SƠ | SỐ LƯỢNG | | |
|-----|---------------------------|-----------|--------------------|---------|
| | | Bản chính | Bản sao chứng thực | Bản sao |
| 01 | Bản tự công bố sản phẩm | 08 | | |
| 02 | Phiếu kết quả kiểm nghiệm | 16 | | |
| 03 | Mẫu nhãn sản phẩm | 08 | | |

Thời gian nhận hồ sơ: 16h40 ngày 05/11/2024

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Người nộp hồ sơ

Nhung
Cô Hồ Ngọc Nhung

Người tiếp nhận hồ sơ

Đỗ Ngọc Bảo



Số chứng nhận: HFM2162

Certificate of Registration
FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEM

Chứng nhận này được trao cho

CÔNG TY TNHH DR FOODS

Tại địa chỉ

Thôn Đặc Lộ, Xã Vĩnh Phương, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Phù hợp với Tiêu chuẩn Hệ Thống Quản Lý An Toàn Thực Phẩm:

HACCP CODEX

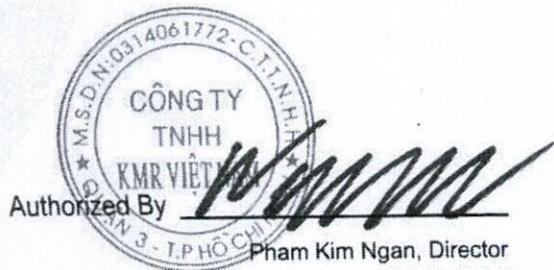
Phạm vi hoạt động được chứng nhận:

Sản xuất và đóng gói nông sản sấy, trà, cà phê và sô-cô-la

Ngày cấp : 06. 09. 2024

Ngày chứng nhận: 28. 06. 2023

Ngày hết hạn: 27. 06. 2026



KMR Vietnam Certification Body
6th Floor, Gay Viet Plaza,
180 - 182 Ly Chinh Thang, Ward 9, District 3, HCMC
T: 84-28-3535 4350 / W: www.kmr.com.vn

· Ngày chứng nhận đầu tiên: 28. 06. 2023